

Số: 85/2017/QĐST- HNGĐ

H, ngày 25 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số: 120/2017/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 12 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ Y, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đội 3, thôn C, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn ông Lê Quang Q, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện H, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Mỹ Y và ông Lê Quang Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Mỹ Y và ông Lê Quang Q tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Trần Thị Mỹ Y và ông Lê Quang Q có một con chung tên Lê Quang P, sinh ngày 25/9/2015. Bà Y và ông Q thỏa thuận khi ly hôn, bà Y được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P. Ông Q cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 650.000đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Ông Q được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung: Bà Trần Thị Mỹ Y và ông Lê Quang Q đã thỏa thuận giao nhận tài sản với nhau, tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Trần Thị Mỹ Y tự nguyện chịu 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Y đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000428, ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Bà Y được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*).

Bà Trần Thị Mỹ Y được hoàn trả lại số tiền 815.200đồng (*Tám trăm mười lăm nghìn hai trăm đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm phần tranh chấp về yêu cầu chia tài sản theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0000429, ngày 29/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Ông Lê Quang Q phải chịu 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí phần cấp dưỡng tiền nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi.
- VKSND huyện H.
- Chi cục THADS huyện H.
- UBND xã B, huyện S.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Hải Nam